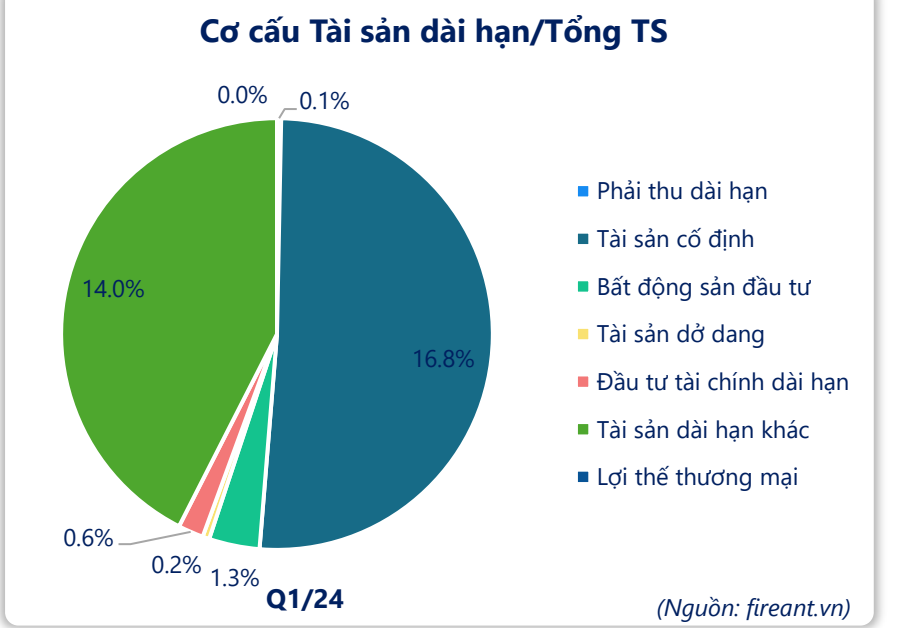
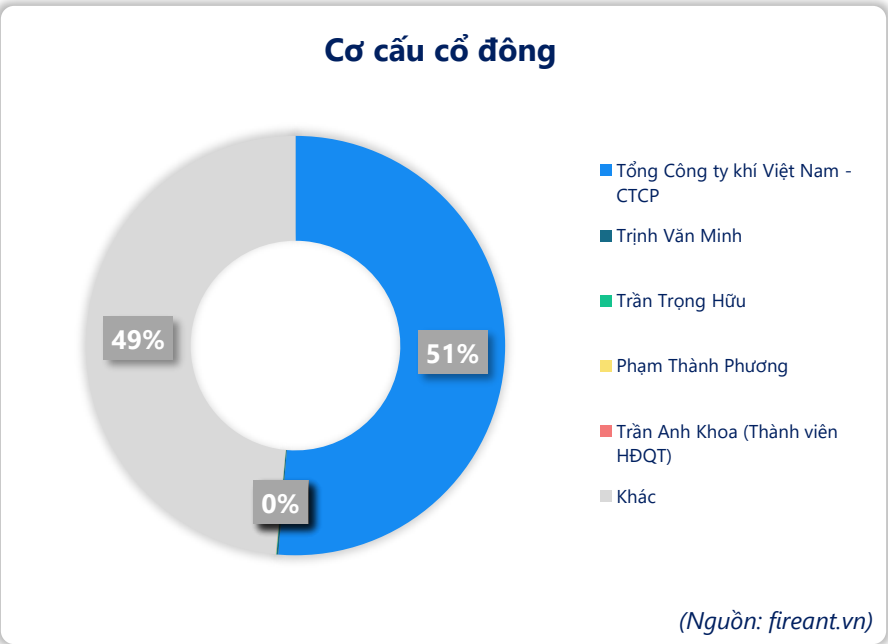
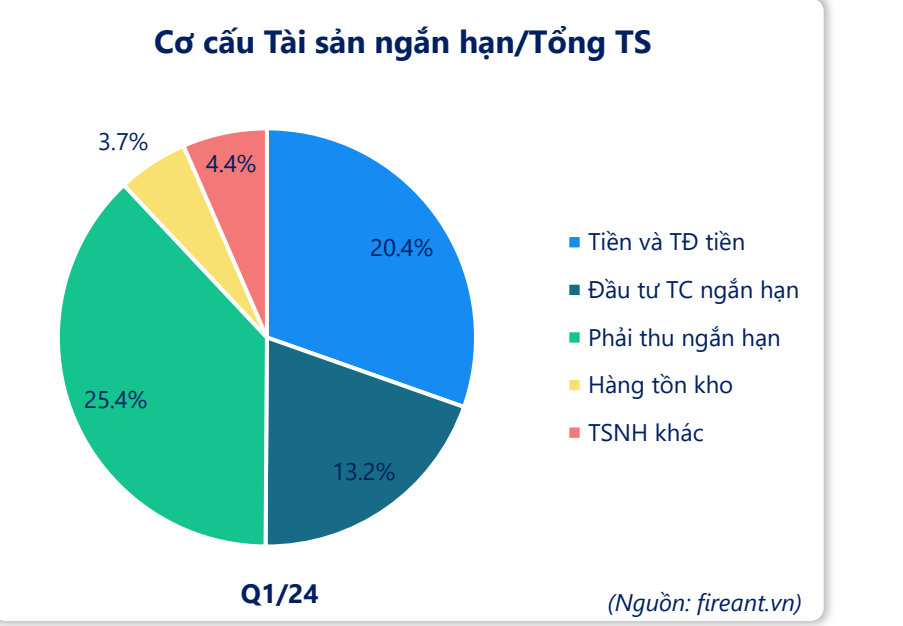
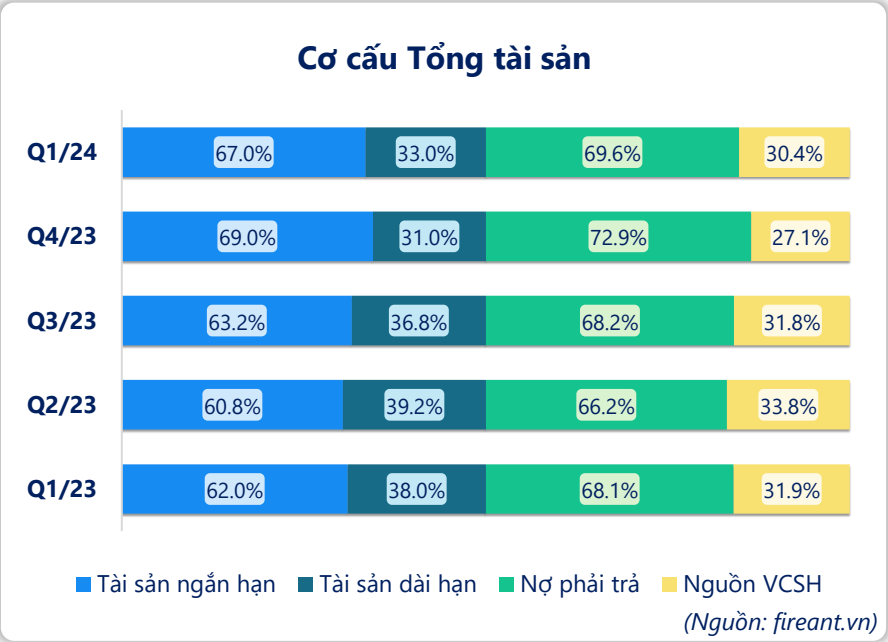
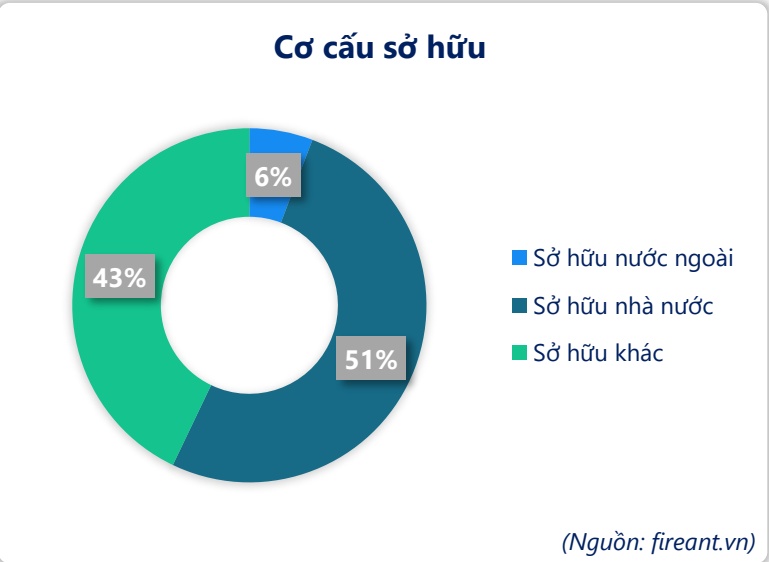
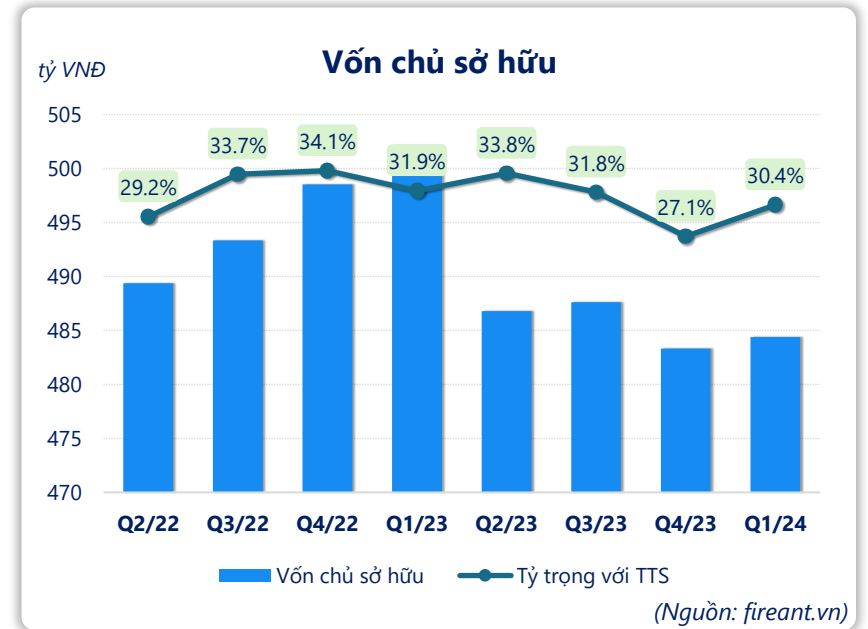
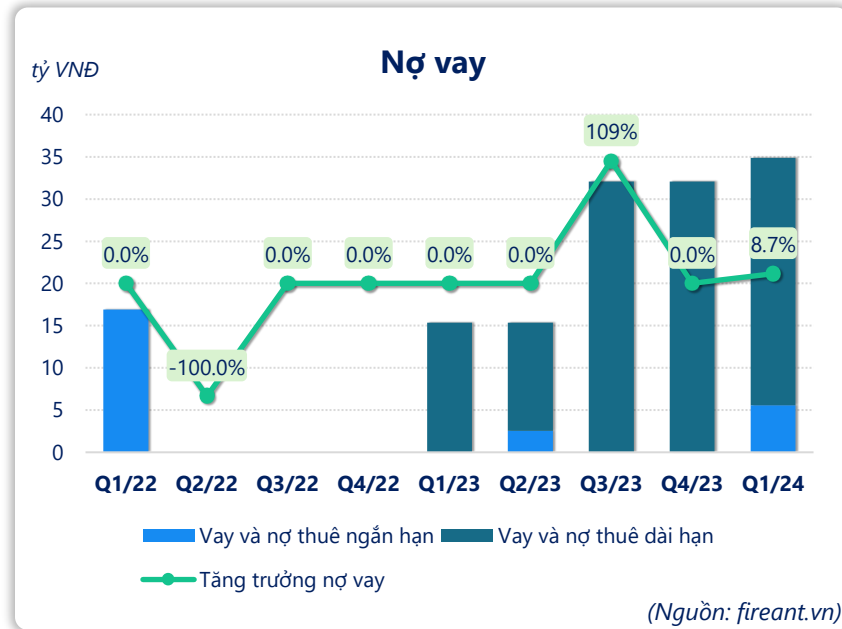
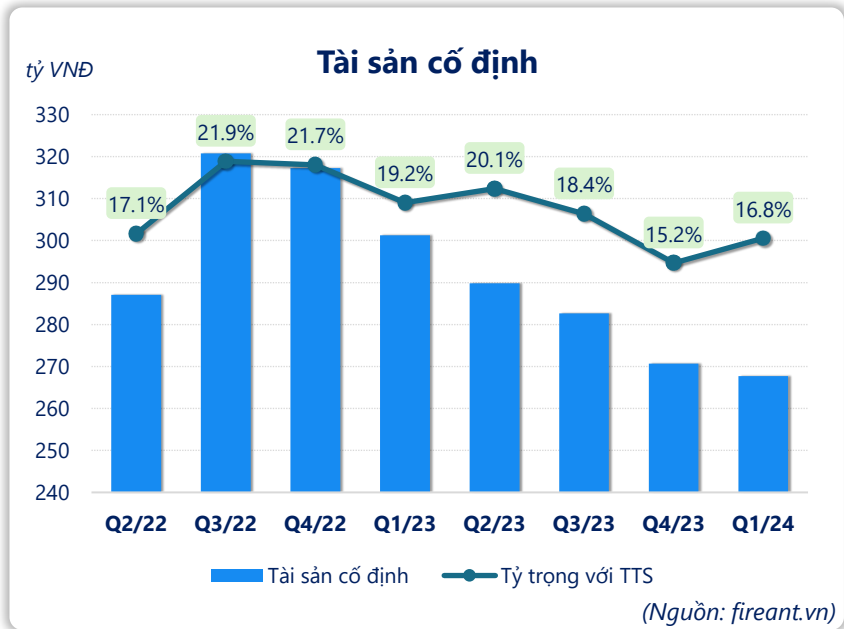
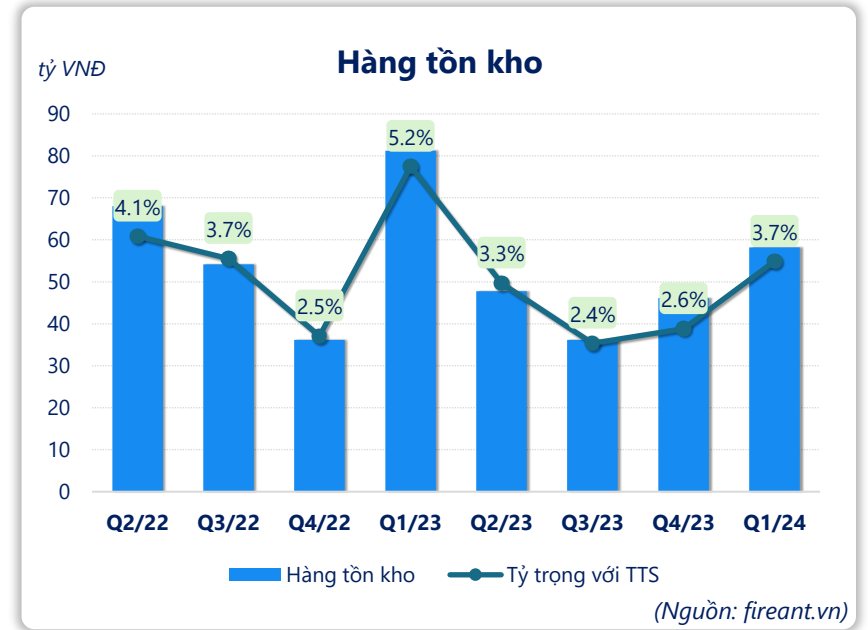
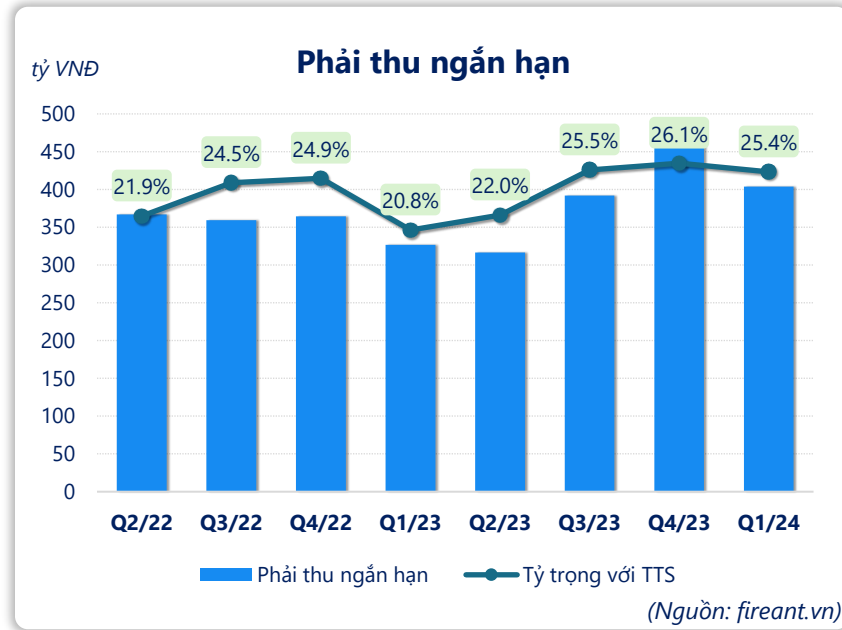
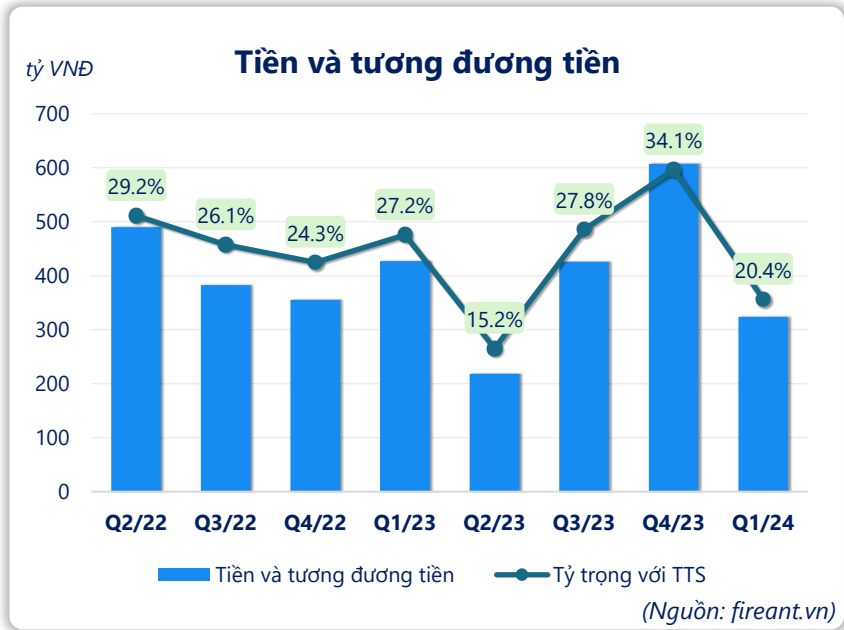
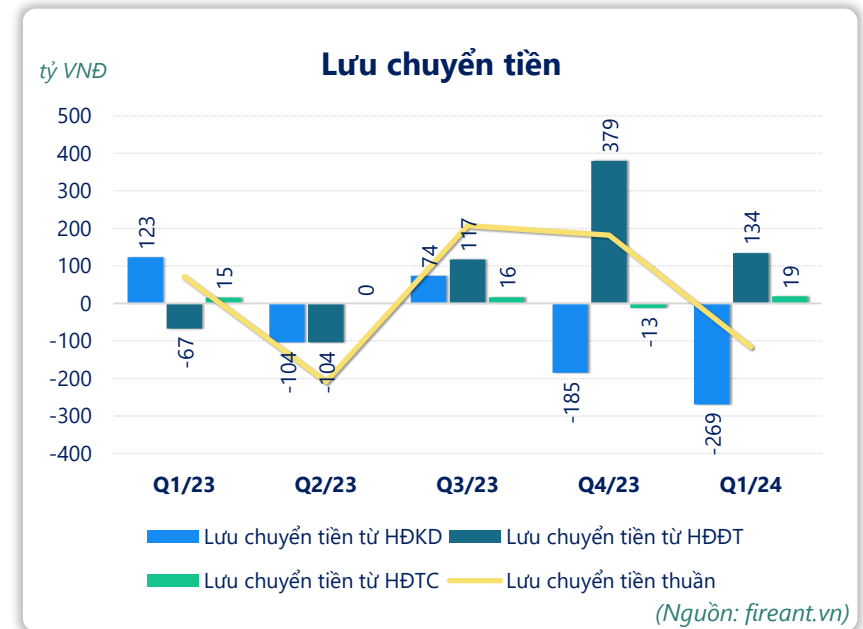
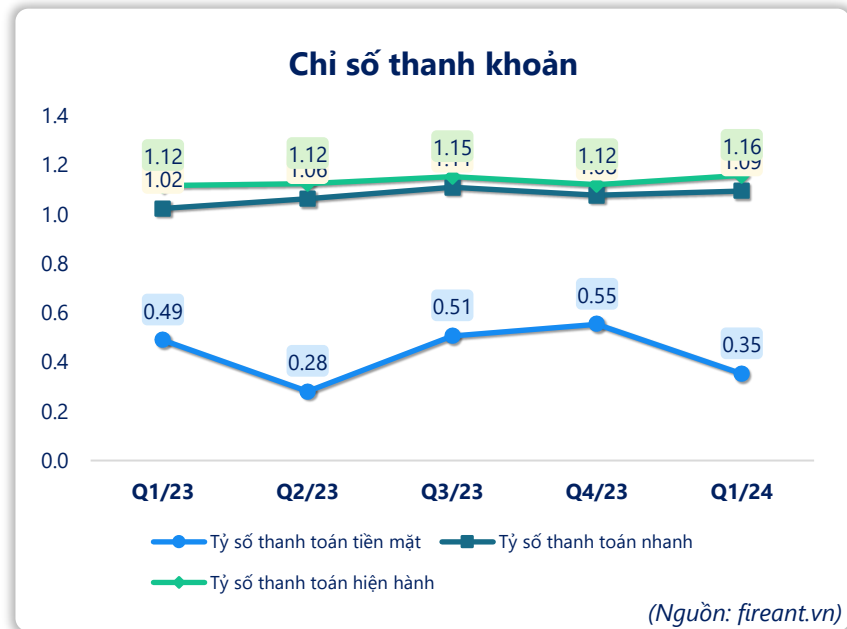
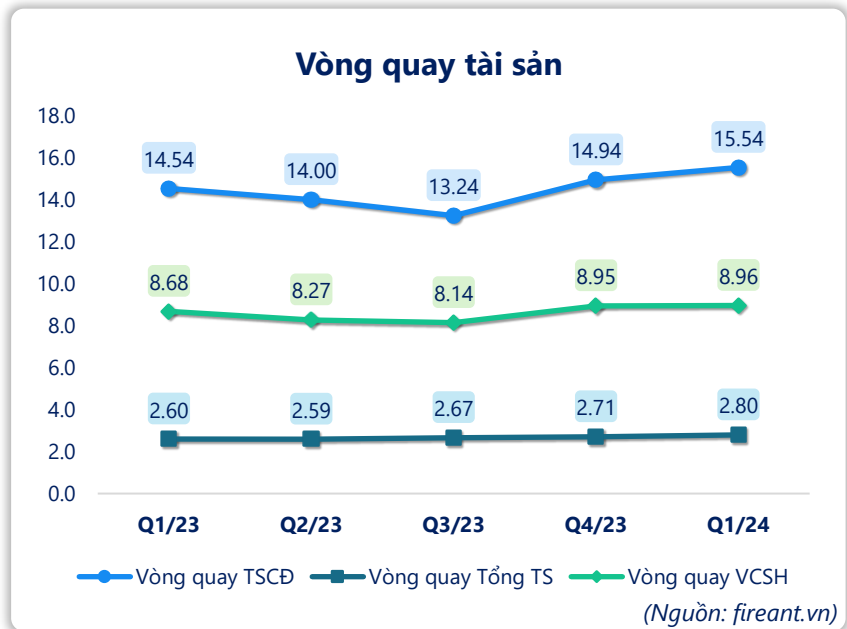
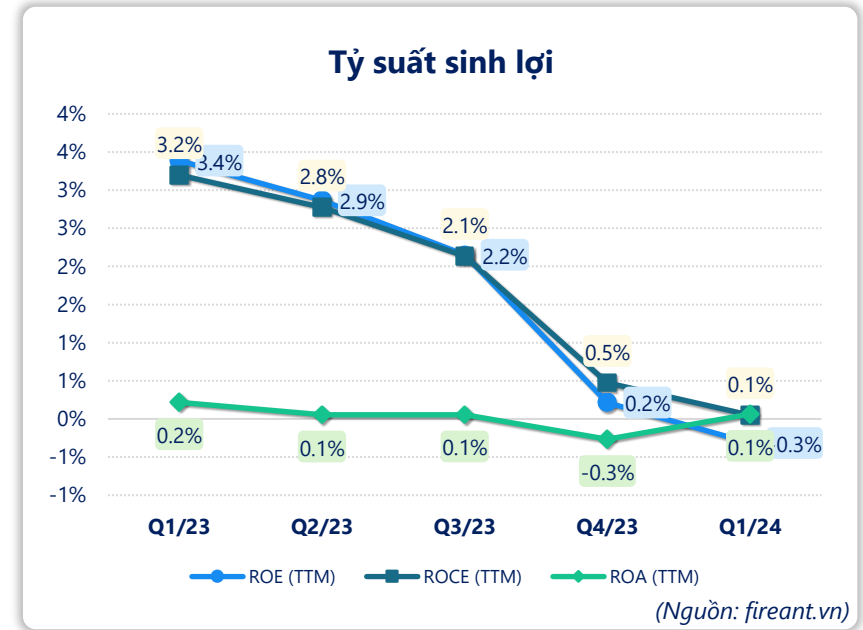
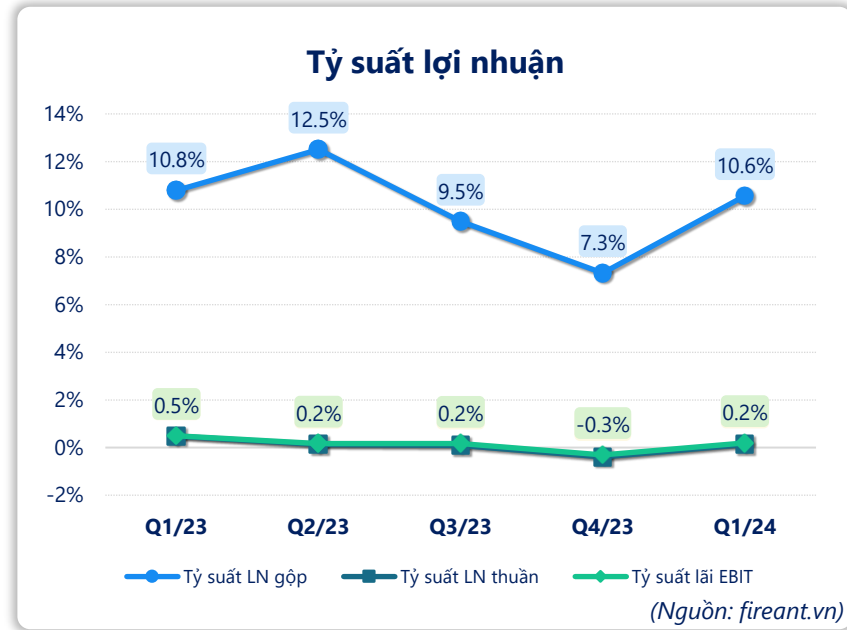
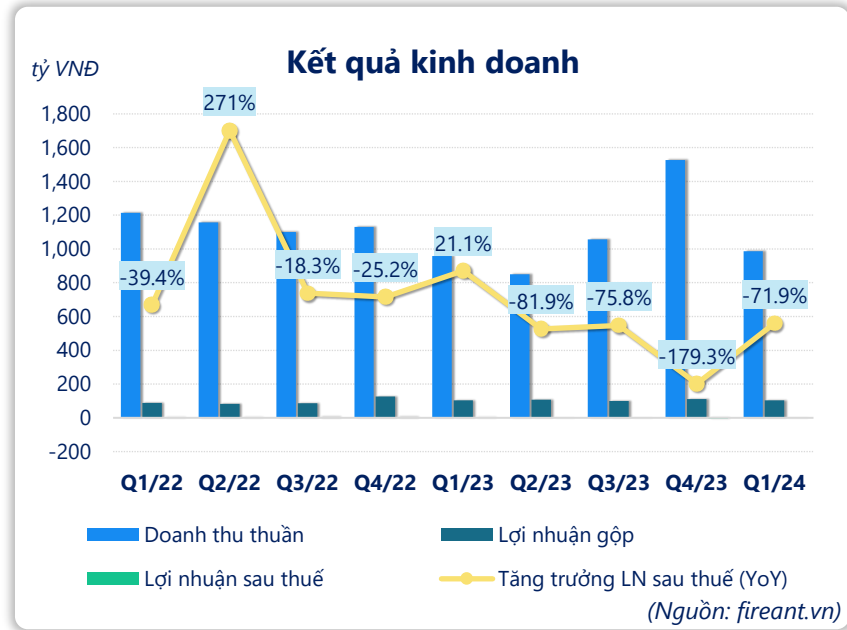


Thông tin giao dịch		31/03/2024
Giá hiện tại (VNĐ)		8,900
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		10,900
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		7,374
SL cổ phiếu LH		36,500,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)		26,860
% sở hữu nước ngoài		5.8%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		325
P/E		-208.7
EPS		-43

	YTD	1T	3T	6T
PVG	-1.1%	-1.1%	-1.1%	-7.3%
VNINDEX	13.5%	1.8%	14.4%	11.3%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/3/2024	Tại ngày 31/12/2023	Thay đổi
Tổng tài sản	1,591	1,800	-11.6%
Tài sản ngắn hạn	1,066	1,238	-13.9%
Tiền và tương đương tiền	324	440	-26.4%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	210	210	0.0%
Phải thu ngắn hạn	404	463	-12.9%
Hàng tồn kho	58.2	55.8	4.3%
Tài sản ngắn hạn khác	69.6	68.4	1.7%
Tài sản dài hạn	525	562	-6.5%
Phải thu dài hạn	1.63	1.67	-2.2%
Tài sản cố định	268	277	-3.3%
Bất động sản đầu tư	19.9	20.2	-1.1%
Tài sản dở dang	2.66	2.66	0.0%
Đầu tư tài chính dài hạn	10.0	10.0	0.0%
Tài sản dài hạn khác	223	250	-10.9%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	1,106	1,316	-15.9%
Nợ ngắn hạn	920	1,131	-18.6%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	5.56	5.56	0.0%
Phải trả người bán ngắn hạn	899	1,094	-17.8%
Nợ dài hạn	186	186	0.2%
Vay và nợ thuê dài hạn	29.3	26.5	10.5%
Nguồn vốn chủ sở hữu	484	483	0.2%
Vốn chủ sở hữu	484	483	0.2%
Vốn điều lệ	365	365	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q1/23	Q2/23	Q3/23	Q4/23	Q1/24
Doanh thu thuần	958	851	1,056	1,528	986
Giá vốn hàng bán	854	744	956	1,416	882
Lợi nhuận gộp	103	106	100	112	104
Doanh thu HĐTC	6.72	8.27	7.00	5.56	4.93
Chi phí TC	0.18	0.40	0.58	0.71	0.63
Chi phí lãi vay	0.18	0.39	0.58	0.71	0.62
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	91.0	97.7	94.0	107	96.5
Chi phí QLDN	14.4	15.5	11.6	16.1	10.6
LN thuần từ HĐKD	4.55	1.06	0.96	-6.00	1.29
Lợi nhuận khác	0.00	0.00	0.17	0.58	-0.01
LN trước thuế	4.55	1.06	1.13	-5.42	1.28
Lợi nhuận sau thuế	3.64	0.87	0.85	-4.31	1.02
LNST của CĐ cty mẹ	3.64	0.87	0.85	-4.31	1.02

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q1/23	Q2/23	Q3/23	Q4/23	Q1/24
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	123	-104	73.8	-185	-269
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-67.2	-104	117	379	134
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	15.4	0	16.4	-12.8	18.9
Tiền đầu kỳ	356	427	219	426	440
Lưu chuyển tiền thuần	70.9	-209	207	182	-116
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	427	219	426	608	324

(Nguồn: fireant.vn)